



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Cảng Rau Quả

Ngày 31/12/2024	32,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-0.9%	7.4%	11.2%

DT thuần Q4/24
3,880
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1,596 69.9%

LN thuần Q4/24
11.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 11.1 3572%
YoY: ▼ 3.20 -22.0%

LN sau thuế Q4/24
9.08
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.67 2115%
YoY: ▼ 2.52 -21.7%

Tỷ suất lãi EBIT 2024
2.0%
YoY: +/- ▼ 0.3%

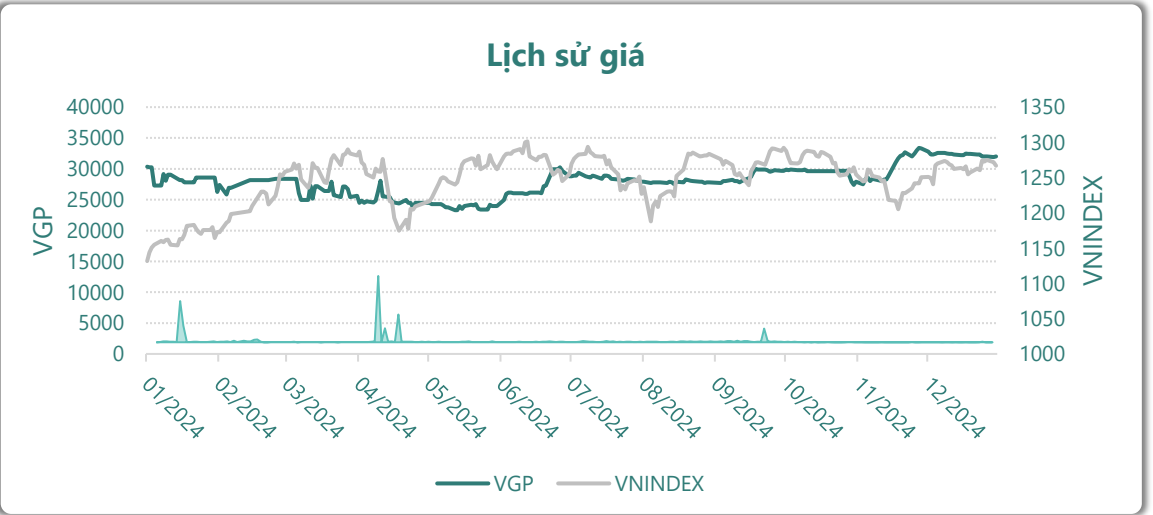
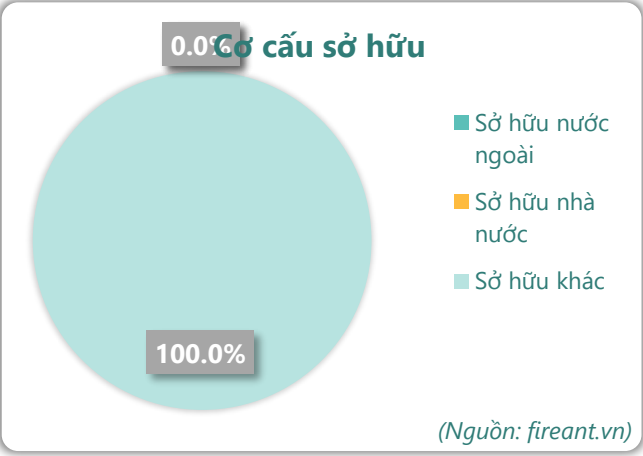
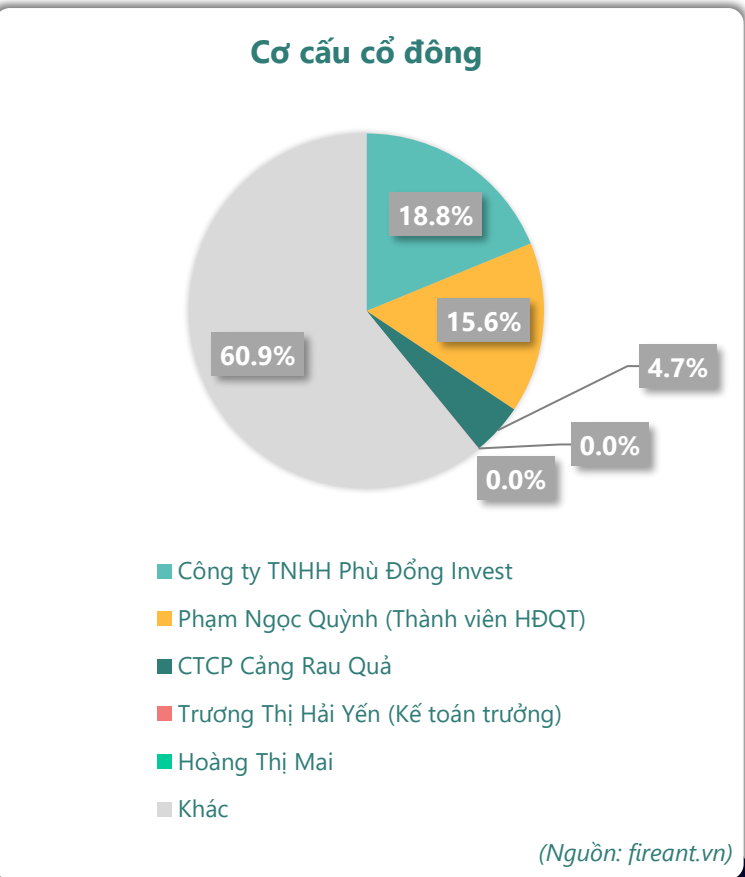
ROE 2024
7.6%
YoY: +/- ▼ 0.5%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	23,295 - 33,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	250
Số lượng CPLH (CP)	7,825,922
KLGD BQ 20 phiên (CP)	55,110
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.10
EPS	2,185
P/E	14.6

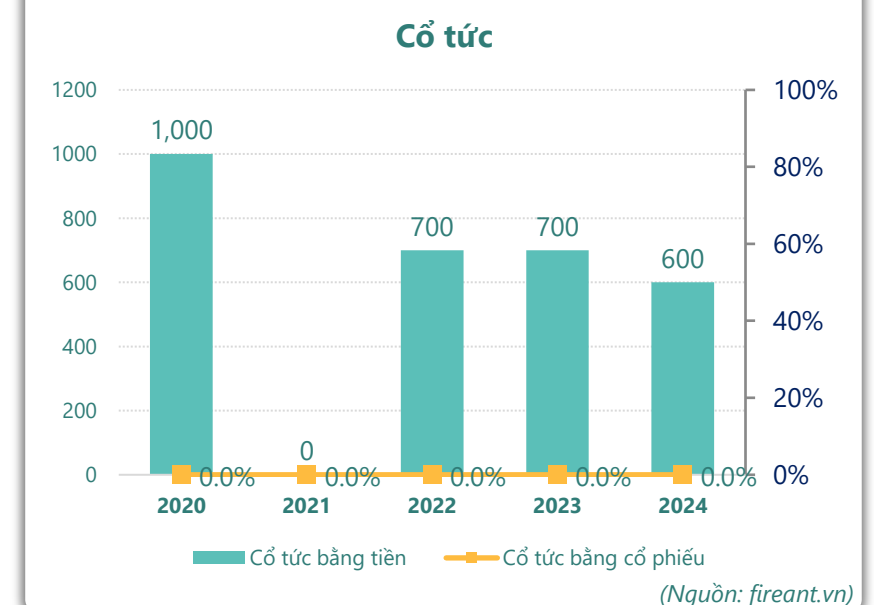
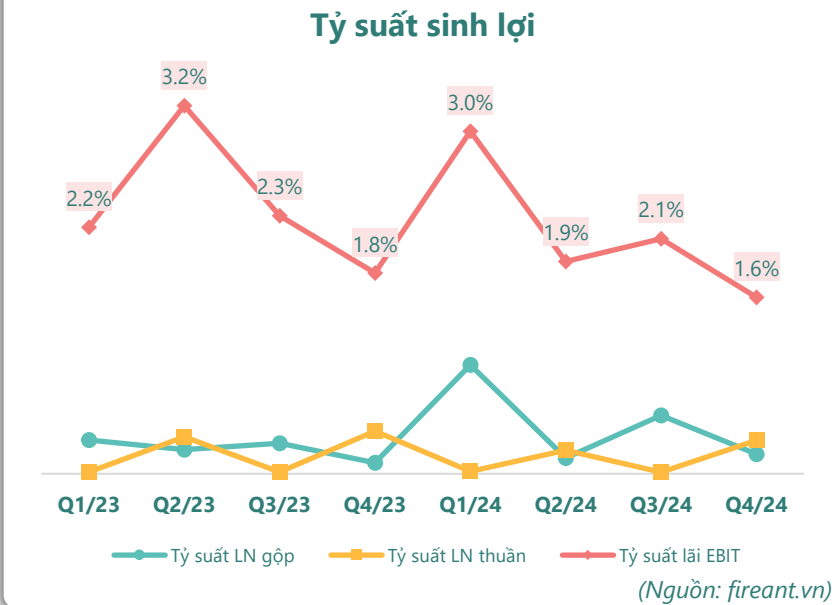
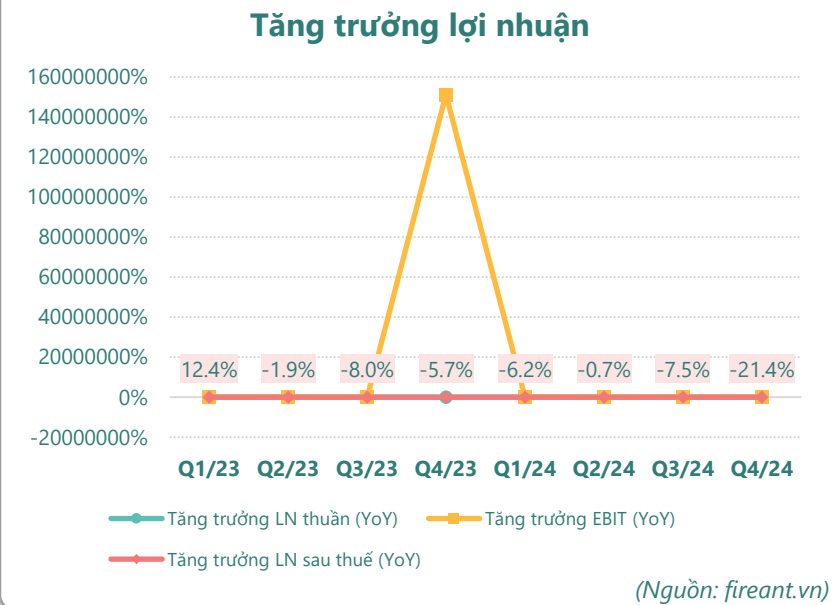
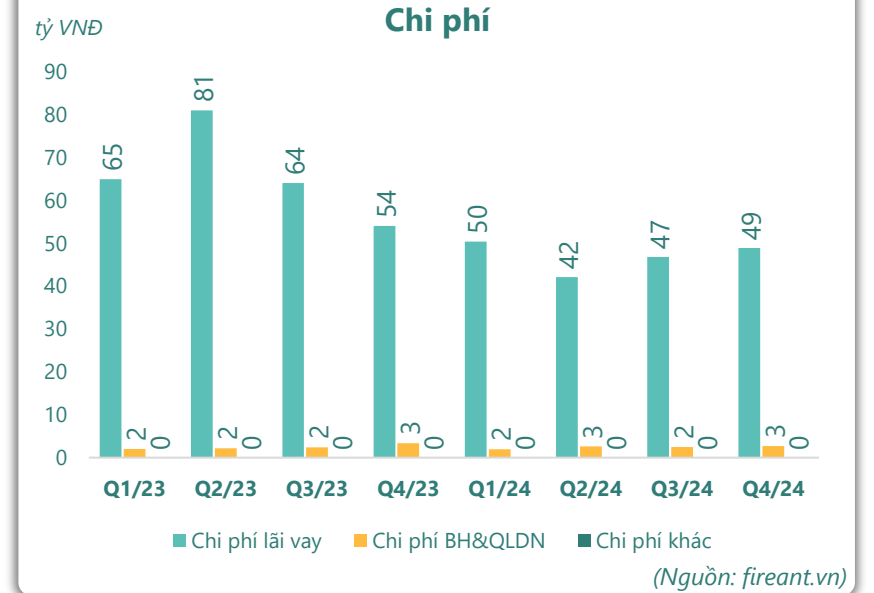
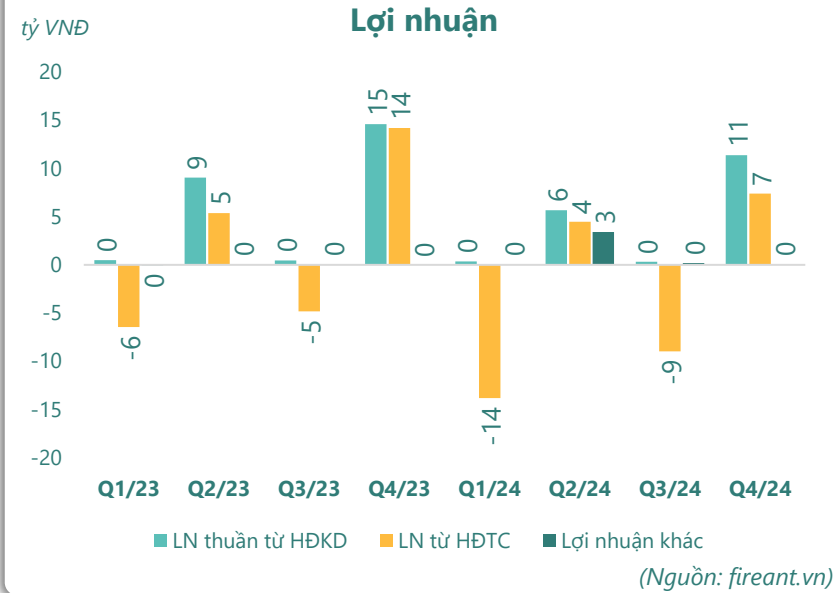
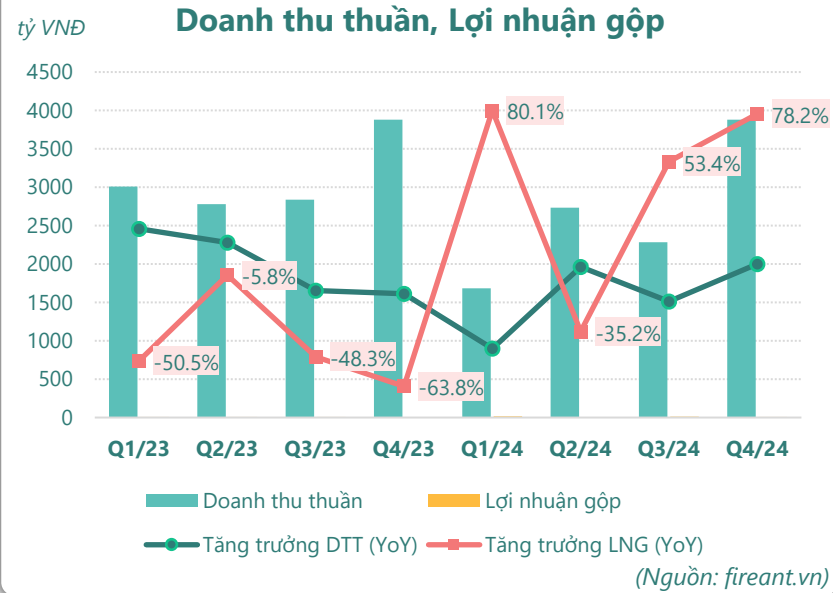
DT thuần 2024
10,581
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 1,923 -15.4%

LN thuần 2024
17.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 3.70 -17.3%

LN sau thuế 2024
17.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 0.10 -0.7%



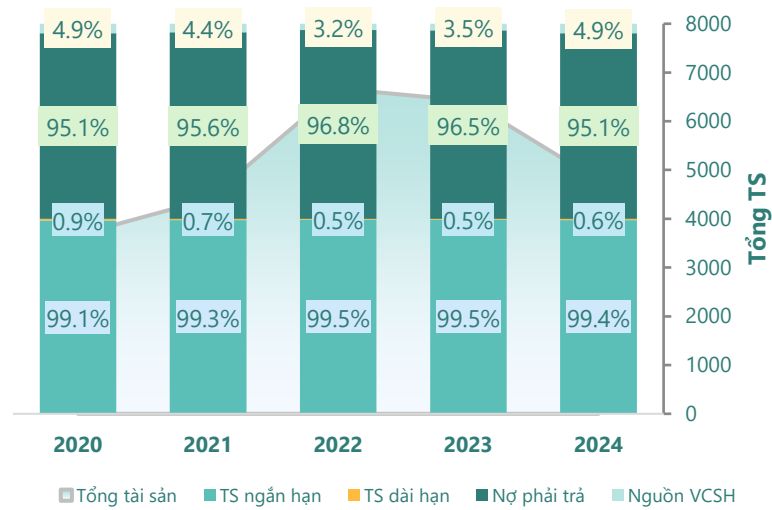
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

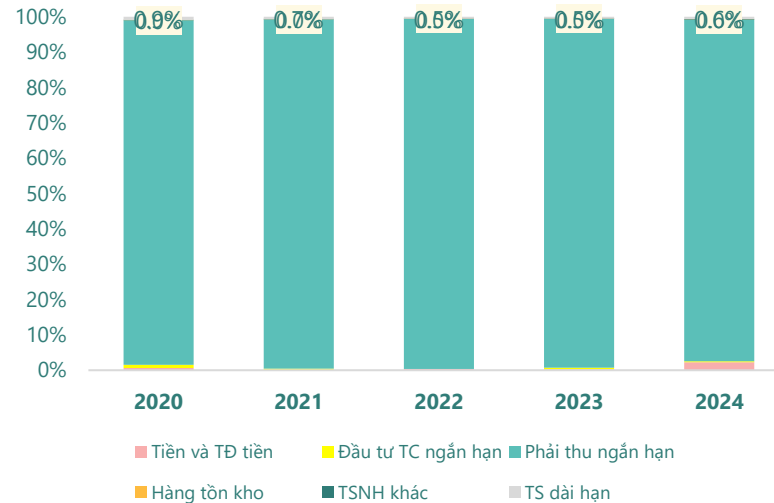
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

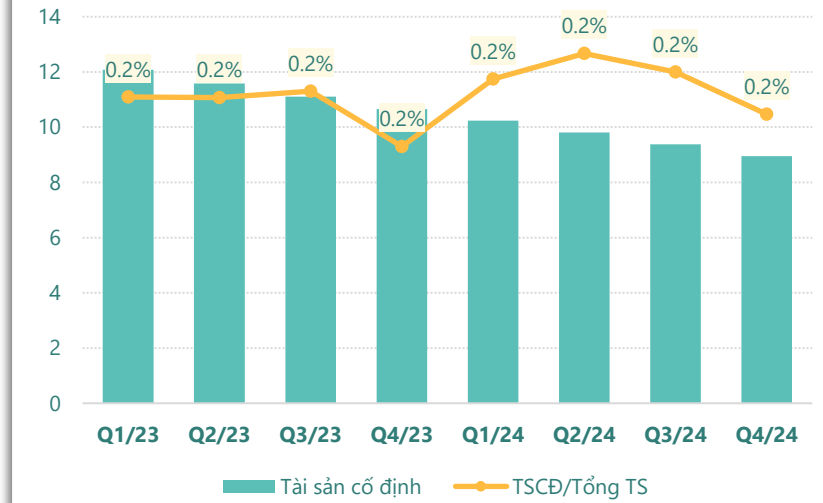
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

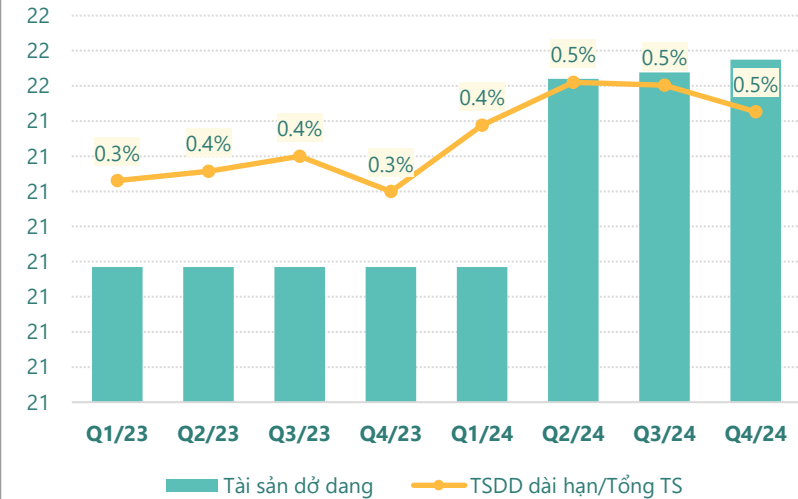
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

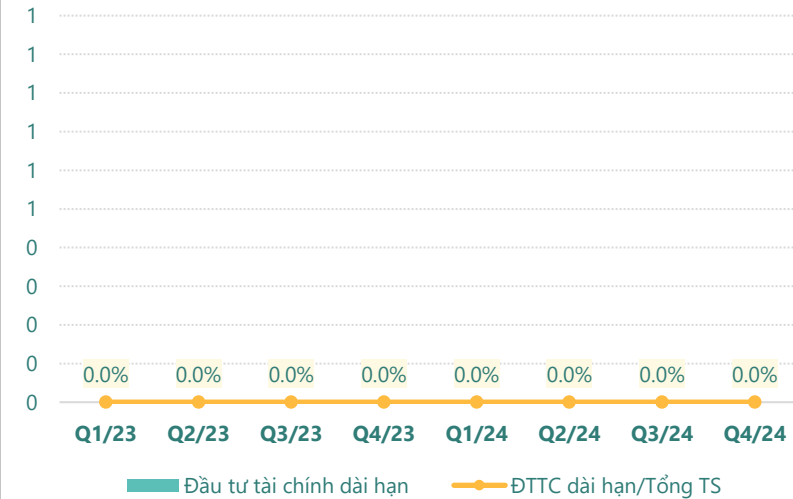
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

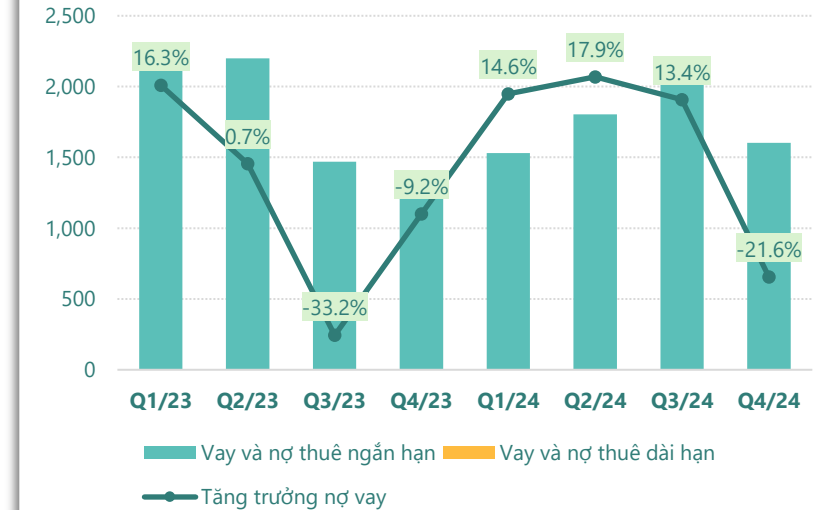
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

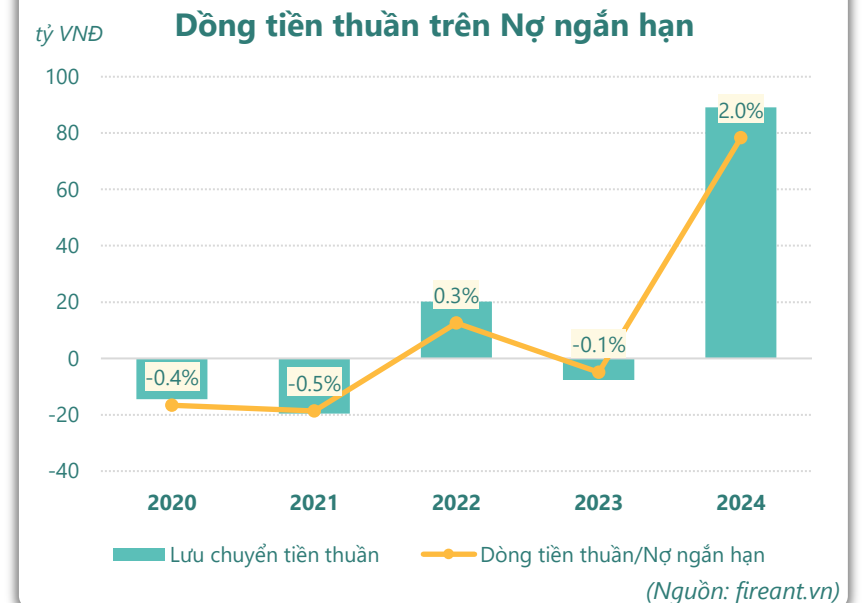
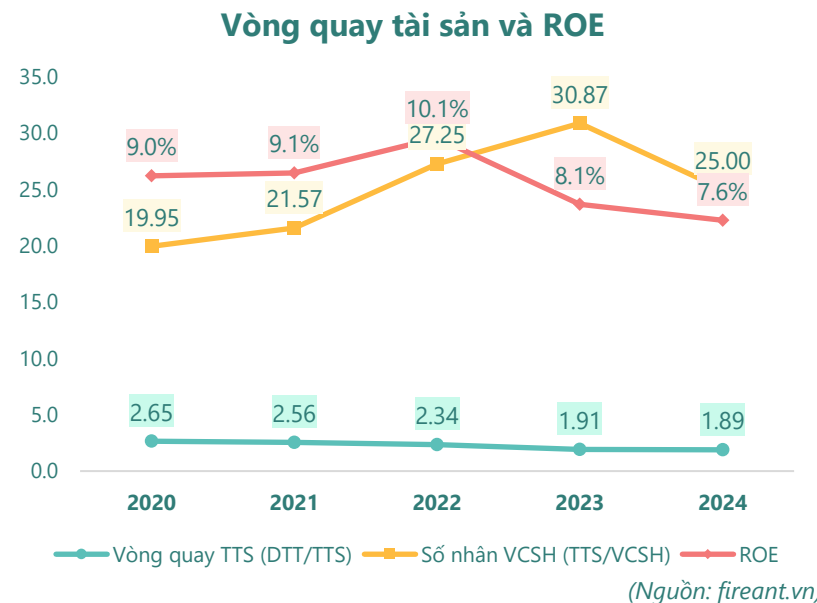
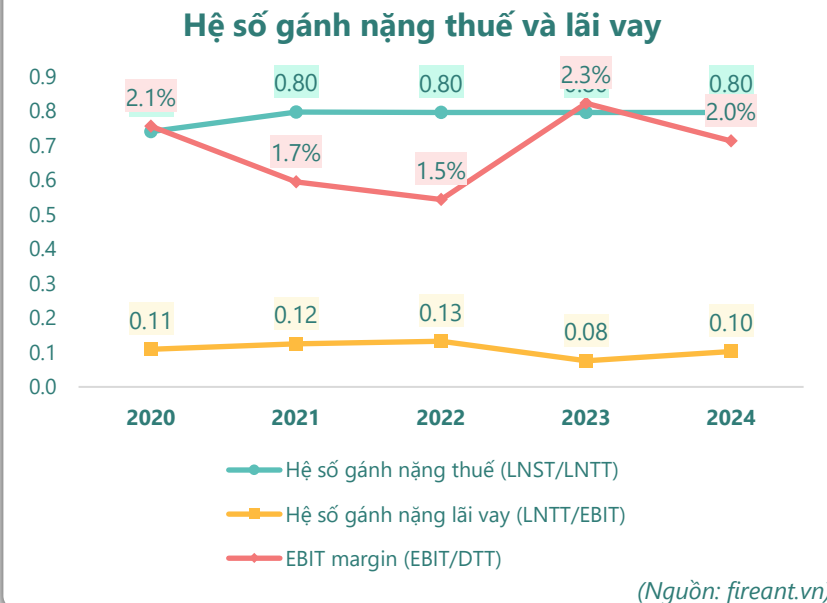
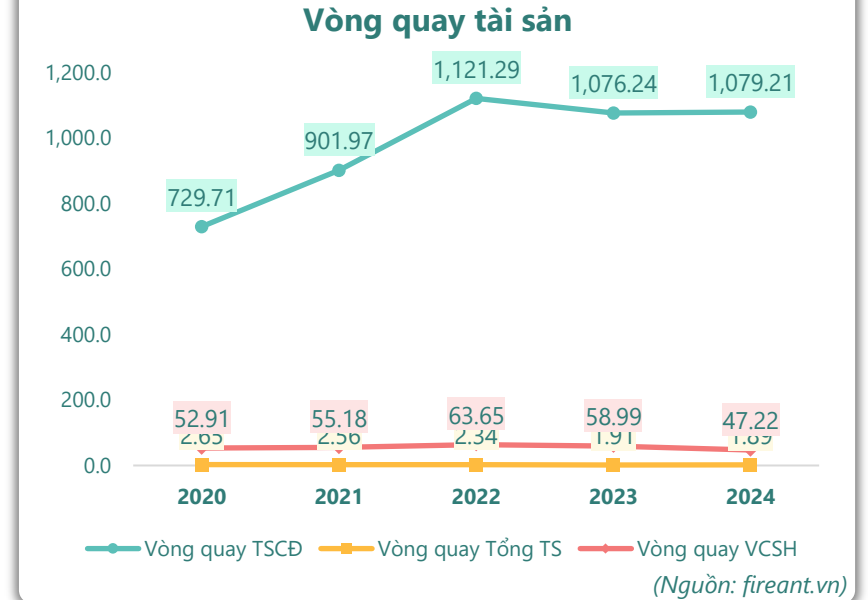
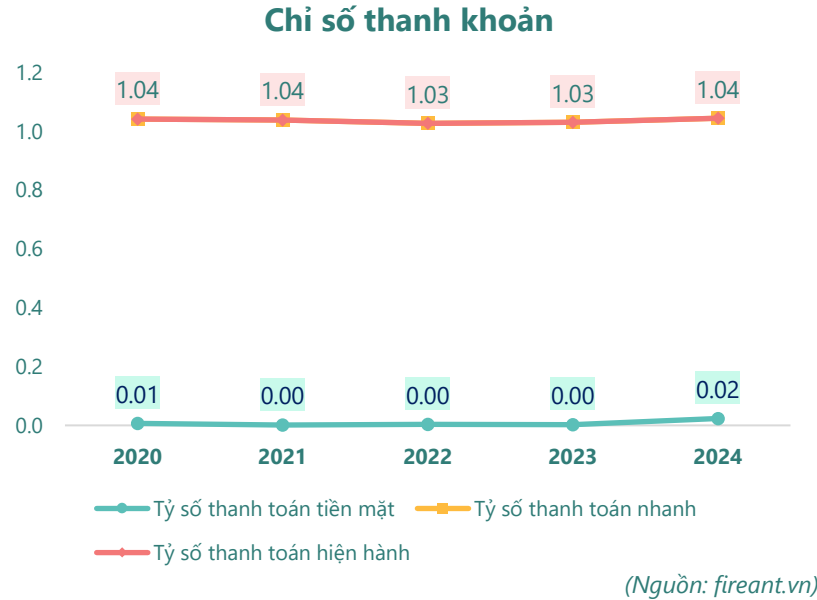
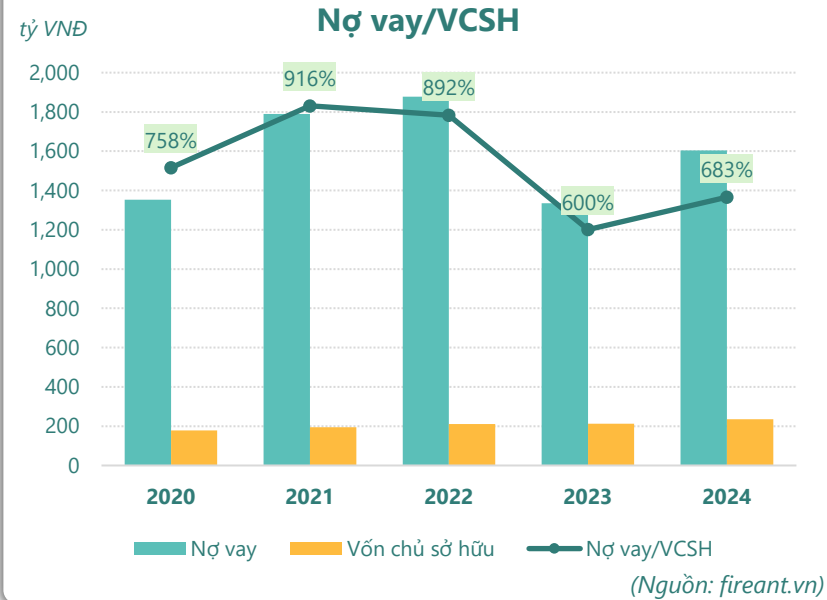
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	3,880	3,880	0.0%	10,581	12,504	-15.4%
Giá vốn hàng bán	3,873	3,877	-0.1%	10,543	12,481	-15.5%
Lợi nhuận gộp	6.69	3.75	78.4%	38.4	23.1	66.2%
Doanh thu HĐTC	110	163	-32.6%	369	584	-36.8%
Chi phí TC	102	149	-31.3%	380	576	-34.0%
Chi phí lãi vay	49.0	54.1	-9.5%	188	264	-28.7%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.94	1.36	-31.1%	4.27	4.55	-6.3%
Chi phí QLDN	1.76	1.99	-11.8%	5.51	5.44	1.4%
LN thuần từ HĐKD	11.4	14.6	-22.0%	17.7	21.4	-17.3%
Lợi nhuận khác	0.07	0.04	70.3%	3.74	0.20	1783%
LN trước thuế	11.5	14.6	-21.6%	21.5	21.6	-0.7%
Lợi nhuận sau thuế	9.08	11.6	-21.7%	17.1	17.2	-0.7%
LNST của CĐ cty mẹ	9.08	11.6	-21.7%	17.1	17.2	-0.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	744	163	-208	-287	-245	550
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-8.46	-20.1	0.24	11.6	8.62	-4.53
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-730	-140	195	274	237	-443
Tiền đầu kỳ	8.60	14.4	17.7	4.42	2.97	3.99
Lưu chuyển tiền thuần	5.76	3.33	-13.3	-1.45	1.02	103
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	14.4	17.7	4.42	2.97	3.99	107

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	4,787	6,418	-25.4%
Tài sản ngắn hạn	4,757	6,385	-25.5%
Tiền và tương đương tiền	107	17.7	504%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.7	28.7	-52.3%
Phải thu ngắn hạn	4,630	6,337	-26.9%
Hàng tồn kho	0.00	0.00	-15.2%
Tài sản ngắn hạn khác	6.42	2.39	168%
Tài sản dài hạn	30.5	32.1	-5.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	8.95	10.7	-16.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	21.6	21.5	0.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.00	0.00	-39.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,553	6,195	-26.5%
Nợ ngắn hạn	4,553	6,195	-26.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,603	1,335	20.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	2,525	4,241	-40.5%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	235	222	5.6%
Vốn chủ sở hữu	235	213	10.0%
Vốn điều lệ	82.1	82.1	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	8.99	-100%

(Nguồn: fireant.vn)

